裁判救濟程序

Điều khoản hướng dẫn trình tự khiếu nại bằng văn bản đối với phán quyết

壹、智慧財產及商業法院智慧財產法庭之教示條款（民事訴訟事件）

1. Điều khoản hướng dẫn tại phiên tòa giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ thuộc tòa án sở hữu trí tuệ và thương mại (Vụ việc tố tụng dân sự)

《311》得上訴（民事一審）

一、如不服本判決，應於送達後 20 日內，向本院提出上訴狀。

二、如委任律師提起上訴者，應一併繳納上訴審裁判費。

《311》Được kháng cáo (lần xét xử thứ nhất phiên tòa dân sự)

1. Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án.
2. Nếu ủy quyền cho luật sư đưa ra kháng cáo, phải đồng thời nộp phí xét xử phán quyết kháng cáo.

《312》得上訴（民事二審）

一、如不服本判決，應於送達後 20 日內，向本院提出上訴狀並記載上訴理由，其未表明上訴理由者，應於提起上訴後 20 日內向本院補提理由書；如於本判決宣示或公告後送達前提起上訴者，應於判決送達後 20 日內補提理由書（均須按他造人數附繕本）。

二、上訴時應委任律師為訴訟代理人，並提出委任書（民事訴訟法第 466 條之 1 第 1 項本文）。但符合民事訴訟法第 466 條之 1 第 1 項但書或第 2 項（詳附註）所定情形者，不在此限。

三、如委任律師提起上訴者，應一併繳納上訴審裁判費。

附註：

民事訴訟法第 466 條之 1 （第 1 項、第 2 項）

對於第二審判決上訴，上訴人應委任律師為訴訟代理人。但上訴人或其法定代理人具有律師資格者，不在此限。

上訴人之配偶、三親等內之血親、二親等內之姻親，或上訴人為法人、中央或地方機關時，其所屬專任人員具有律師資格並經法院認為適當者，亦得為第三審訴訟代理人。

《312》Được kháng cáo (lần xét xử thứ hai phiên tòa dân sự)

1. Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án và nêu rõ lý do kháng cáo, khi chưa nêu rõ lý do kháng cáo, sau khi đưa ra kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải bổ sung đơn trình bày lý do kháng cáo cho Tòa án; nếu nộp đơn kháng cáo sau khi phán quyết này được đưa ra và trước khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phán quyết phải bổ sung đơn trình bày lý do kháng cáo (đều phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia).
2. Khi kháng cáo phải ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng, và đưa ra giấy ủy quyền (phần chính khoản 1 điều 466-1 Luật tố tụng dân sự). Nhưng phù hợp với phần ngoại lệ khoản 1 hoặc khoản 2 điều 466-1 (phần chú thích) Luật tố tụng dân sự thì không nằm trong giới hạn này.
3. Nếu ủy quyền cho luật sư đưa ra kháng cáo, thì phải đồng thời nộp phí xét xử phán quyết kháng cáo.

Chú thích:

Điều 466-1 luật tố tụng dân sự (khoản 1, khoản 2)

Có kháng cáo về phán quyết phúc thẩm, Người kháng cáo phải ủy nhiệm luật sư làm Người đại diện tố tụng. Nhưng Người kháng cáo hoặc Người đại diện theo pháp luật là đã có tư cách luật sư, thì không bị giới hạn.

Vợ/Chồng hoặc là người thân thích có quan hệ huyết thống trong phạm vi ba đời hoặc là người thân thích có mối quan hệ hôn nhân trong phạm vi hai đời với Người kháng cáo có tư cách luật sư, hoặc bên kháng cáo là Pháp nhân, Cơ quan trung ương hoặc địa phương có chuyên viên có tư cách luật sư và đã được Tòa án nhận định phù hợp, đều có thể làm Người đại diện tố tụng để tham gia phiên xét xử lần thứ ba.

《313》不得上訴

不得上訴。

《313》Không được kháng cáo

Không được kháng cáo.

《314》得抗告

如不服本裁定，應於送達後 10 日內，向本院提出抗告狀，並繳納抗告裁判費新臺幣 1,500 元。

《314》Được kháng cáo

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, đồng thời nộp phí xét xử phán quyết kháng cáo 1.500 Đài tệ.

《315》不得抗告

不得抗告。

《315》Không được kháng cáo

Không được kháng cáo.

《316》不得抗告（核發秘密保持命令裁定）

不得抗告。

《316》Không được kháng cáo (Phán quyết cấp lệnh giữ bí mật)

Không được kháng cáo.

《317》再抗告

一、如不服本裁定，應於送達後 10 日內向本院提出再抗告狀（須按他造人數附繕本），並繳納再抗告裁判費新台幣 1,500 元。

二、再抗告僅得以適用法規顯有錯誤為理由，且應委任律師為代理人，並提出委任書。

三、如委任律師提起再抗告者，應一併繳納再抗告裁判費新臺幣 1,500 元。

《317》Được kháng cáo lần nữa

1. Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo lần nữa cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia), đồng thời nộp phí xét xử phán quyết kháng cáo lần nữa 1.500 Đài tệ.
2. Kháng cáo lần nữa chỉ được chấp nhận khi quy định pháp luật có sai sót rõ ràng, phải ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng, và đưa ra giấy ủy quyền.
3. Nếu ủy quyền cho luật sư đưa ra kháng cáo lần nữa, thì phải đồng thời nộp phí xét xử phán quyết kháng cáo lần nữa 1.500 Đài tệ.

《318》部分不得抗告、部分得抗告（證據保全）

就本裁定准許部分不得聲明不服；就本裁定駁回部分不服，應於送達後 10 日內，向本院提出抗告狀，並繳納抗告裁判費新臺幣 1,500 元。

《318》Phần không được kháng cáo, phần được kháng cáo (bảo vệ chứng cứ)

Không được phản đối những điều được cho phép trong phán quyết; khi không đồng ý với quyết định bác bỏ của phán quyết, sau khi tống đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án, đồng thời nộp phí xét xử phán quyết kháng cáo 1.500 Đài tệ.

《319》得異議

不服本裁定者，應於送達後 10 日內，以書狀向司法事務官提出異議。

《319》Được chống án

Không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn chống án bằng văn bản cho cán bộ tư pháp.

貳、智慧財產及商業法院智慧財產法庭之教示條款（刑事訴訟案件）

2. Điều khoản hướng dẫn tại phiên tòa giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ thuộc tòa án sở hữu trí tuệ và thương mại (Vụ việc tố tụng hình sự)

《320》得上訴

如不服本判決，應於送達後 20 日內向本院提出上訴書狀，並應敘述具體理由；其未敘述上訴之理由者，應於上訴期間屆滿後 20 日內向本院補提理由書（均須按他造人數附繕本）「切勿逕送上級法院」。

《320》Được kháng cáo

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án và nêu rõ lý do kháng cáo, khi chưa nêu rõ lý do kháng cáo, sau khi đưa ra kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải bổ sung đơn trình bày lý do kháng cáo cho Tòa án (đều phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia). “Tuyệt đối không nộp đơn trực tiếp vượt cấp của Tòa án”.

《321》得上訴（不得上訴第三審判決之例外情形）

依刑事訴訟法第 376 條第 1 項但書規定，被告或得為被告利益上訴之人，如

不服本判決，應於送達後 20 日內向本院提出上訴書狀，並應敘述具體理由；其未敘述上訴之理由者，得於提起上訴後 20 日內向本院補提理由書（均須按他造人數附繕本）「切勿逕送上級法院」。

《321》Được kháng cáo (Trường hợp ngoại lệ không được kháng cáo lên phiên xét xử lần thứ ba)

Theo quy định điều ngoại lệ khoản 1 điều 376 Luật tố tụng hình sự, bị cáo hoặc người được bị cáo ủy quyền kháng cáo, khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án và nêu rõ lý do kháng cáo, khi chưa nêu rõ lý do kháng cáo, sau khi đưa ra kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải bổ sung đơn trình bày lý do kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia). “Tuyệt đối không nộp đơn trực tiếp vượt cấp của Tòa án”.

《322》不得上訴

不得上訴。

《322》Không được kháng cáo

Không được kháng cáo.

《323》得抗告

如不服本裁定，應於送達後 10 日內，向本院提出抗告狀。

《323》Được kháng cáo

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án.

《324》得再抗告

如不服本裁定，應於送達後 10 日內，向本院提出再抗告狀。

《324》Được kháng cáo lần nữa

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo lần nữa cho Tòa án.

《325》不得抗告

不得抗告。

《325》Không được kháng cáo

Không được kháng cáo.

《326》不得抗告（核發秘密保持命令裁定）

不得抗告。

《326》Không được kháng cáo (Phán quyết cấp lệnh giữ bí mật)

Không được kháng cáo.

《327》不得再抗告

不得再抗告。

《327》Không được kháng cáo lần nữa

Không được kháng cáo lần nữa.

參、智慧財產及商業法院智慧財產法庭之教示條款（行政訴訟事件）

3. Điều khoản hướng dẫn tại phiên tòa giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ thuộc tòa án sở hữu trí tuệ và thương mại (Vụ việc tố tụng hành chính)

《328》得上訴

一、如不服本判決，應於送達後 20 日內，向本院提出上訴狀並表明上訴理由，其未表明上訴理由者，應於提起上訴後 20 日內向本院補提理由書；如於本判決宣示或公告後送達前提起上訴者，應於判決送達後 20 日內補提理由書（均須按他造人數附繕本）。

二、上訴時應委任律師為訴訟代理人，並提出委任書（行政訴訟法第 241 條之 1 第 1 項前段）。

三、符合下列情形者，得例外不委任律師為訴訟代理人（行政訴訟法第 241 條之 1 第 1 項但書、第 2 項）。

得不委任律師為訴訟代理人之情形	所需要件
(一)符合右列情形之一者，得不委任律師為訴訟代理人	1. 上訴人或其法定代理人具備律師資格或為教育部審定合格之大學或獨立學院公法學教授、副教授者。 2. 稅務行政事件，上訴人或其法定代理人具備

	會計師資格者。 3. 專利行政事件，上訴人或其法定代理人具備專利師資格或依法得為專利代理人者。
(二)非律師具有右列情形之一，經最高行政法院認為適當者，亦得為上訴審訴訟代理人	1. 上訴人之配偶、三親等內之血親、二親等內之姻親具備律師資格者。 2. 稅務行政事件，具備會計師資格者。 3. 專利行政事件，具備專利師資格或依法得為專利代理人者。 4. 上訴人為公法人、中央或地方機關、公法上之非法人團體時，其所屬專任人員辦理法制、法務、訴願業務或與訴訟事件相關業務者。
是否符合(一)、(二)之情形，而得為強制律師代理之例外，上訴人應於提起上訴或委任時釋明之，並提出(二)所示關係之釋明文書影本及委任書。	

《328》Được kháng cáo

1. Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án và nêu rõ lý do kháng cáo, khi chưa nêu rõ lý do kháng cáo, sau khi đưa ra kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải bổ sung đơn trình bày lý do kháng cáo cho Tòa án; nếu nộp đơn kháng cáo sau khi phán quyết này được đưa ra và trước khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phán quyết phải bổ sung đơn trình bày lý do kháng cáo (đều phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia).
2. Khi kháng cáo phải ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng, và đưa ra giấy ủy quyền (đoạn đầu khoản 1 điều 241-1 Luật tố tụng hành chính).
3. Người phù hợp với những trường hợp sau, có thể không ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng (Điều ngoại lệ khoản 1, khoản 2 điều 241-1 Luật tố tụng hành chính).

Trường hợp không cần ủy nhiệm luật sư làm Người đại diện tố tụng	Điều kiện cần thiết
(1)Phù hợp một trong các điều kiện nêu tại ô bên phải, thì không	1.Người kháng cáo hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người kháng cáo là người đã có tư cách

cần ủy nhiệm luật sư làm Người đại diện tố tụng	luật sư hoặc là giáo sư, phó giáo sư giảng dạy môn luật tại trường đại học hoặc học viện độc lập đã được Bộ Giáo dục thẩm định đạt chuẩn. 2.Vụ việc hành chính về thuế, Người kháng cáo hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người kháng cáo là người đã có tư cách hành nghề kế toán. 3.Vụ việc hành chính về bản quyền sáng chế, Người kháng cáo hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người kháng cáo là người có bằng chuyên viên sáng chế hoặc là Người đại diện về độc quyền sáng chế căn cứ theo quy định của pháp luật.
(2) Người không phải là luật sư nhưng phù hợp một trong các điều kiện nêu tại ô bên phải, đồng thời được Tòa án hành chính tối cao nhận định có tư cách phù hợp, cũng có thể làm Người đại diện theo pháp luật của Người kháng cáo.	1.Người có tư cách luật sư là vợ/chồng hoặc là người thân thích có quan hệ huyết thống trong phạm vi ba đời hoặc là người thân thích có mối quan hệ hôn nhân trong phạm vi hai đời với Người kháng cáo. 2.Vụ việc hành chính về thuế, người đã có tư cách hành nghề kế toán. 3.Vụ việc hành chính về bản quyền sáng chế, người có bằng chuyên viên sáng chế hoặc là Người đại diện về độc quyền sáng chế căn cứ theo quy định của pháp luật. 4.Khi bên kháng cáo không phải là đoàn thể pháp nhân mà là tổ chức công quyền, cơ quan trung ương hoặc địa phương, có nhân viên chuyên trách thực hiện công tác nghiệp vụ pháp chế, pháp vụ, khiếu nại hoặc các nghiệp vụ liên quan

	đến vụ việc tố tụng.
Phù hợp điều kiện tại điểm (1) hoặc (2), là trường hợp ngoại lệ trong yêu cầu buộc phải có luật sư làm Người đại diện tố tụng, Người kháng cáo phải nêu rõ khi đưa ra kháng cáo hoặc ủy nhiệm, đồng thời phải đưa ra bản sao của văn bản có nêu rõ về mối quan hệ nêu tại điểm (2) và giấy ủy nhiệm.	

《329》得抗告

如不服本裁定，應於送達後 10 日內，以書狀敘明理由向本院提出抗告狀（須按他造人數附繕本）。

《329》Được kháng cáo

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi tống đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án có nêu rõ lý do bằng văn bản (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia).

《330》不得抗告

不得抗告。

《330》Không được kháng cáo

Không được kháng cáo.

《331》不得抗告（核發秘密保持命令裁定）

不得抗告。

《331》Không được kháng cáo (Phán quyết cấp lệnh giữ bí mật)

Không được kháng cáo.

《332》部分不得抗告、部分得抗告（核發秘密保持命令裁定）

本裁定准許秘密保持命令部分不得抗告；駁回秘密保持命令部分得於送達後 10 日內，以書狀敘明理由向本院提出抗告狀（須按他造人數附繕本）。

《332》Phần không được kháng cáo, phần được kháng cáo (Phán quyết cấp lệnh giữ bí mật)

Không được kháng cáo với phán quyết cho phép cấp lệnh giữ bí mật, quyết định bác bỏ phán quyết cấp lệnh giữ bí mật, sau khi tống đạt, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án có nêu rõ lý do bằng văn bản (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia).

《333》不得聲明不服

不得聲明不服。

《333》Không được bày tỏ không chấp thuận

Không được bày tỏ không chấp thuận.